

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 66

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

### Công ty

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15 tháng 07 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: 03 Công ty

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Vốn đầu tư (VND)</i>
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	1.439.831.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Vốn đầu tư (VND)</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/09/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/09/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05/04/2019	
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17/06/2020	
Ông: Trần Chung	Thành viên	17/06/2020	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10/12/2020	
Ông: Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	01/09/2020	30/03/2021
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14/01/2021	
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30/03/2021	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Ông: Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17/06/2020	26/04/2021
Bà: Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà: Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Quang Huy      Tổng Giám đốc      21/12/2020

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Văn Ân      17/06/2020

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.244.556.039.784</b>	<b>1.443.804.463.663</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	153.251.582.321	276.956.612.840
111	1. Tiền		90.642.808.667	128.712.099.958
112	2. Các khoản tương đương tiền		62.608.773.654	148.244.512.882
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>68.923.409.100</b>	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	68.923.409.100	
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>487.997.838.573</b>	<b>394.742.869.439</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	245.652.113.648	41.264.674.059
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	34.015.631.337	110.415.227.458
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	221.540.640.319	256.435.369.153
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(13.210.546.731)	(13.372.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>88.157.057.499</b>	<b>72.723.163.771</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.07	88.157.057.499	72.723.163.771
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>446.226.152.291</b>	<b>699.381.817.613</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	289.191.626.475	444.579.720.735
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		154.445.344.048	252.379.324.977
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	2.589.181.768	2.412.200.279
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			10.571.622

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.081.754.923.160</b>	<b>30.973.077.606.383</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>380.097.186.487</b>	<b>429.411.877.796</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	232.973.182.307	256.576.072.558
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	147.124.004.180	172.835.805.238
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.591.732.079.512</b>	<b>23.692.263.507.949</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	28.590.933.480.196	23.691.330.061.226
222	- Nguyên giá		29.956.383.787.993	24.863.147.093.911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.365.450.307.797)	(1.171.817.032.685)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	798.599.316	933.446.723
228	- Nguyên giá		1.386.196.956	1.386.196.956
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(587.597.640)	(452.750.233)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.08	<b>9.953.483.855</b>	<b>5.474.686.863.072</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.953.483.855	5.474.686.863.072
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>487.876.304.958</b>	<b>456.987.446.758</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	470.876.304.958	439.987.446.758
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	17.000.000.000	17.000.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.612.095.868.348</b>	<b>919.727.910.808</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	2.588.829.219.150	895.915.895.373
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.626.399.095	2.330.491.884
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		19.640.250.103	21.481.523.551
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>33.326.310.962.944</b>	<b>32.416.882.070.046</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.722.152.123.325</b>	<b>25.032.427.964.869</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.260.211.055.659</b>	<b>3.576.984.540.979</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	1.160.999.054.016	1.066.861.291.201
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	13.355.858.163	108.803.239.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	58.683.152.368	16.027.112.439
314	4. Phải trả người lao động		11.640.769.424	15.131.354.050
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.266.551.989.826	1.067.457.417.597
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	581.352.016.018	959.803.534.225
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	165.883.919.125	341.156.294.808
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.461.941.067.666</b>	<b>21.455.443.423.890</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.13	416.276.592.830	424.405.555.795
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.17	69.207.524.913	123.423.822.378
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	20.821.228.033.868	20.744.456.507.724
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		155.228.916.055	163.157.537.993
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18	7.604.158.839.619	7.384.454.105.177
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.331.350.526.817	4.112.681.792.375
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	(208.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	4.851.321.687
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		493.986.106.516	287.678.877.300
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		287.678.877.300	188.643.168.723
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		206.307.229.216	99.035.708.577
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.158.880.198.614	1.146.518.693.388
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.272.808.312.802	3.271.772.312.802
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.272.808.312.802	3.271.772.312.802
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		33.326.310.962.944	32.416.882.070.046

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THIÊN HOÀNG



NGUYỄN VĂN ÂN




NGUYỄN QUANG HUY

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3/2021	Quý 3/2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020	30.09.2021	30.09.2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	452.148.771.384	296.194.221.040	1.245.436.504.509	845.429.080.524
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02		1.189.110.727		1.189.110.727
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		452.148.771.384	295.005.110.313	1.245.436.504.509	844.239.969.797
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	241.197.345.569	131.233.168.051	588.410.859.054	376.231.242.352
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.951.425.815	163.771.942.262	657.025.645.455	468.008.727.445
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	16.336.471.490	1.497.348.314	19.476.156.036	11.905.312.240
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	87.672.756.129	116.546.829.569	394.645.864.597	357.057.090.455
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		87.672.756.129	116.546.829.569	394.645.864.597	357.057.090.455
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(20.175.273.734)	6.256.503.953	11.888.858.200	12.666.149.614
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	16.676.651.868	14.418.804.226	69.524.310.696	66.387.759.976
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.763.215.574	40.560.160.734	224.220.484.398	69.135.338.868
31	11. Thu nhập khác	VI.07	989.116	636.364.994	19.456.324.721	2.818.220.573
32	12. Chi phí khác	VI.08		375.109.303	243.829.896	3.642.675.422
40	13. Lợi nhuận khác		989.116	261.255.691	19.212.494.825	(824.454.849)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		102.764.204.690	40.821.416.425	243.432.979.223	68.310.884.019
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	21.992.656.201	1.769.306.705	33.988.773.929	5.448.435.594
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(685.153.327)	(9.224.529.148)		(2.529.999.418)

Đơn vị tính: VND

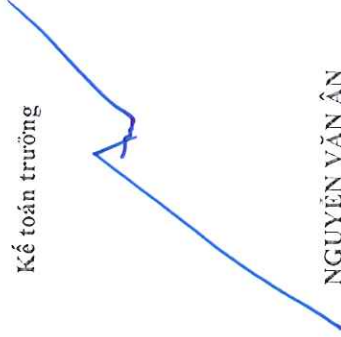
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			Quý 3/2021	Quý 3/2020
			30.09.2021	30.09.2020
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		81.456.701.816	39.052.109.720
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		83.269.171.950	31.708.173.150
62	19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.812.470.134)	7.343.936.570
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	312	126
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	236	126
			772	584
			584	199
			199	199

Người lập biểu



NGUYỄN THIÊN HOÀNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN AN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc




NGUYỄN QUANG HUY

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>243.432.979.223</b>	<b>68.310.884.019</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		210.629.389.039	150.135.503.483
03	- Các khoản dự phòng		(161.854.500)	(14.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(41.637.785.864)	(17.079.144.134)
06	- Chi phí lãi vay		394.645.864.597	667.211.535.807
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>806.908.592.495</b>	<b>868.564.779.175</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.934.261.363)	308.750.255.282
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.433.893.728)	(22.303.994.209)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(270.755.391.235)	(378.454.958.419)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.908.810.227	(332.092.253.950)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(443.416.389.667)	(930.488.377.644)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.547.574.418)	(2.295.676.727)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.036.000.000	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(501.100.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>58.765.892.311</b>	<b>(488.821.326.492)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(109.056.229.327)	(1.001.365.958.185)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		36.610.000.000	
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.000.000.000)	
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.476.156.036	35.361.537.245
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(83.970.073.291)</b>	<b>(966.004.420.940)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
33	- Tiền thu từ đi vay		550.811.080.341	2.170.893.529.040
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(649.311.929.880)	(1.309.406.309.233)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(22.763.712.239)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(98.500.849.539)	838.723.507.568
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(123.705.030.519)	(616.102.239.864)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		276.956.612.840	812.490.759.442
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		153.251.582.321	196.388.519.578

Người lập biểu

NGUYỄN THIÊN HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2021  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 15 tháng 07 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	: 03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**- Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
1	Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành -P.Láng Thượng - Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	65,58%	65,58%	65,58%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh	70,36%	70,36%	70,36%	70,36%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

**- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	47,04%	47,04%	50,00%	50,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	29,25%	31,60%	29,25%

**Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con**

**(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 12 ngày 09/04/2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTPN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QLI đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	<b>12.188.665.000.000</b>	<b>VND</b>
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	VND



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

*Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/09/2021:* 1.375.836.000.000 VNĐ

### (2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTĐTTN/ĐCI do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cỏ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cỏ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 21.612.008.175.000 VNĐ

+ *Vốn tự có* 1.749.864.583.000 VNĐ

+ *Vốn khác* 1.438.432.378.000 VNĐ

+ *Vốn vay* 13.375.708.235.000 VNĐ

+ *Vốn Nhà nước hỗ trợ* 5.048.002.979.000 VNĐ

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

*Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/09/2021:* 2.046.250.000.000 VNĐ

### (3) Công ty cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia ( Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.172.000.000 VNĐ

+ *Vốn chủ sở hữu:* 261.940.896.000 VNĐ

+ *Vốn vay* 1.297.231.104.000 VNĐ

+ *Vốn ngân sách Nhà nước*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

*Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/09/2021:* 273.786.000.000 VNĐ

*Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.*

### Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

#### 1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

*Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng*

*Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2021 là:* 61.500.000.000 VNĐ

#### 2. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VNĐ

+ *Vốn chủ sở hữu:* 339.447.800.000 VNĐ

+ *Vốn vay* 2.305.030.200.000 VNĐ

+ *Vốn ngân sách Nhà nước* VNĐ

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

*Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2021 là:* 305.000.000.000 VNĐ

*Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.*

#### 3. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án ( theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 8.743.000.000.000 VNĐ

+ *Vốn chủ sở hữu:* 1.749.000.000.000 VNĐ

+ *Vốn vay* 6.994.000.000.000 VNĐ

+ *Vốn ngân sách Nhà nước* VNĐ

*Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án*

*Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2021 là:* 424.000.000.000 VNĐ

*Tại ngày 30/09/2021 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.*

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cỏ	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

### II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### + Công ty con

**Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu**

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán mua Công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả được phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

### Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

### Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

### Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

### Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu “Cổ phiếu quỹ” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

### **Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

### **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

### **+ Các khoản đầu tư vào công ty, liên kết**

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát, chi phối hoạt động kinh doanh, nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của Công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết chỉ được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng với phần sở hữu của các bên

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### *Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Khoản đầu tư được kê toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kê từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kê toán như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, nhà đầu tư không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Sau khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong vốn chủ của công ty liên doanh, liên kết giảm xuống bằng không, nhà đầu tư chỉ phải ghi nhận thêm khoản lỗ hoặc nợ phải trả nếu nhà đầu tư có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết các khoản nợ mà nhà đầu tư đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, nhà đầu tư chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

### **Phương pháp loại trừ các giao dịch với bên liên kết**

Các giao dịch của Công ty liên kết với các Công ty con, Công ty mẹ sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên kết.

#### **+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### **4. Nguyên tắc kê toán các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT. BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT.:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT,BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT,BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.”

### 7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

### 8 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao ( B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### 9 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### 10 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 11 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

### 12 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### 13 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 14 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### 15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### 17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### - *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.

#### - *Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

#### - *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### 18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *- Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *- Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

### *- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### *- Doanh thu phí giao thông*

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

### *- Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

### *- Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

### *- Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn*

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### *- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

## **19 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### 20 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, việc phân bổ này được dựa theo nguyên tắc Phù hợp quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam, giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo. Chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với số liệu so sánh (kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2020 và năm tài chính 2020 kết thúc tại ngày 31.12.2020).

### 22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### 25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 26 . Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### HỢP NHẤT KINH DOANH

Đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Ngày 26/01/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cá đã mua lại cổ phần của Công ty cổ phần bê tông Hà Thanh nên tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị tăng thêm 2,36%.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị sau khoản đầu tư trên là 31,60%, tương ứng với khoản đầu tư tăng thêm tại Công ty liên kết số tiền 10.000.000.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 09 năm 2021	2.076.511.553
Tỷ lệ lợi ích	31,60%
Giá gốc khoản đầu tư lũy kế tại ngày 01.01.2021	124.000.000.000
Đầu tư tăng thêm	10.000.000.000
Lũy kế các khoản ghi tăng, giảm giá trị đầu tư đầu kỳ	633.990.701
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết kỳ này	656.177.651
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư đến kỳ này	135.290.168.352

### V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2021	01/01/2021
<b>Tiền mặt</b>	<b>3.941.373.031</b>	<b>3.177.549.731</b>
- VND	3.941.373.031	3.177.549.731
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>86.110.135.636</b>	<b>124.813.490.227</b>
- Tiền gửi (VND)	86.110.135.636	124.813.490.227
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>591.300.000</b>	<b>721.060.000</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>62.608.773.654</b>	<b>148.244.512.882</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	62.608.773.654	148.244.512.882
<b>Cộng</b>	<b>153.251.582.321</b>	<b>276.956.612.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
a1) Ngắn hạn	68.923.409.100	68.923.409.100	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	68.923.409.100	68.923.409.100	-	-
a2) Dài hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Vietinbank (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trái phiếu (***)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.923.409.100</b>	<b>85.923.409.100</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất là 3,7%/năm

(\*\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng với lãi suất là 3%/năm

(\*\*\*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát hành.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Đầu tư tăng thêm	Các khoản điều chỉnh tăng giảm	Phân chia lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15.889.802.087	-	909.156.522	14.980.645.565
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	310.696.334.519	-	10.323.524.027	300.372.810.492
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	135.290.168.352	-	656.177.651	124.633.990.701
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog	9.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>470.876.304.958</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>11.888.858.200</b>	<b>439.987.446.758</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	11.035.892.482	245.652.113.648	11.035.892.482	41.264.674.059
<i>Bên Khác</i>	<i>11.035.892.482</i>	<i>209.016.283.132</i>	<i>11.035.892.482</i>	<i>24.759.114.520</i>
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả	-	175.176.033.430	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	5.082.418.376	-	5.082.418.376
Công ty TNHH thu phí tự động VECT	-	615.180.000	-	558.010.000
Nguyễn Tuấn Phong	-	-	-	400.000.000
Công ty XD Công trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty Cổ phần XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty Cổ phần QL & XD ĐB QNDN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Công ty TNHH Xuân thành - Thuê máy bơm bê tông	80.378.569	80.378.569	80.378.569	80.378.569
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Chu Lai	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	599.681.610	17.706.440.454	599.681.610	8.282.475.272
<i>Bên liên quan :</i>	<i>-</i>	<i>36.635.830.516</i>	<i>-</i>	<i>16.505.559.539</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	-	10.103.394.715	-	2.794.496.852
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam	-	1.357.094.305	-	1.324.856.876
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương-Mỹ Thuận	-	180.000.000	-	180.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	705.000.000	-	348.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	4.957.417.099	-	2.358.205.811
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	-	700.000.000	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	-	8.800.000.000	-	8.800.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo Cả	-	9.832.924.397	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>245.652.113.648</b>	<b>11.035.892.482</b>	<b>41.264.674.059</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.301.620.413</b>	<b>34.015.631.337</b>	<b>1.303.951.913</b>	<b>110.415.227.458</b>
<b>Bên khác</b>	<b>1.301.620.413</b>	<b>34.015.631.337</b>	<b>1.303.951.913</b>	<b>110.415.227.458</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	-	-	-	6.500.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	181.774.313	181.774.313
Chi nhánh Công ty Cổ phần LQ JOTON Hà Nội	-	461.273.171	-	-
Công ty TNHH xây dựng và thương mại ICO	-	419.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV XLD Khang Phúc Thịnh	-	662.500.000	-	-
Công ty cổ phần Lâm nghiệp I-5	-	800.000.000	-	-
Công ty TNHH Quý Hưng	-	550.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng	-	298.854.680	-	-
Công ty TNHH thương mại Tân Phát Ninh Thuận	-	433.191.872	-	-
Ban quản lý dự án các công trình trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	-	630.794.995	-	630.794.995
Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO	-	506.000.000	-	506.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện I	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty TNHH kỹ thuật điện Phương Nam	-	616.770.000	-	-
Công ty bảo hiểm PVI Hà Nội	-	319.458.742	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Apollomedia	-	-	-	575.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	-	14.359.029.400	-	14.359.029.400
Công ty Cổ phần XNK Ô tô và xe chuyên dụng Việt Nam	-	5.992.200.000	-	5.992.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cá	-	-	-	73.254.403.184
Công ty TNHH MTV Minh Đạt	-	-	-	200.000.000
Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	-	-	-	250.000.000
Đối tượng khác	266.275.000	5.931.213.064	268.606.500	6.111.704.466
<b>Bên liên quan :</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>232.973.182.307</b>	<b>-</b>	<b>256.576.072.558</b>
<b>Bên khác</b>	<b>-</b>	<b>218.530.677.307</b>	<b>-</b>	<b>233.633.567.558</b>
Ban Quản lý dự án An toàn giao thông	-	5.092.000.000	-	5.092.000.000
Ban Quản lý dự án ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn	-	8.575.350.000	-	7.275.350.000
Ban quản lý dự án 85	-	21.807.969.484	-	21.307.969.484
Công ty Cổ phần Sông đà 10	-	9.381.606.667	-	9.381.606.667
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	-	1.195.842.793	-	1.195.842.793
Tổng Công ty XD CT giao thông 8 - CTCP	-	7.176.702.514	-	7.176.702.514
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	-	14.067.301.993	-	24.653.511.432
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngâm	-	94.082.320.759	-	94.082.320.759
Công ty TNHH Hợp Tiến	-	-	-	2.434.678.767
Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng HPT	-	-	-	10.926.764.026
Các đối tượng khác	-	57.151.583.097	-	50.106.821.116
<b>Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>14.442.505.000</b>	<b>-</b>	<b>22.942.505.000</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	4.086.491.000	-	12.586.491.000
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	-	10.356.014.000	-	10.356.014.000
<b>Cộng</b>	<b>1.301.620.413</b>	<b>266.988.813.644</b>	<b>1.303.951.913</b>	<b>366.991.300.016</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### 05 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>221.540.640.319</b>	<b>873.033.836</b>	<b>256.435.369.153</b>	<b>1.032.556.836</b>
Tạm ứng	52.753.811.383	-	94.859.295.749	159.523.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>168.786.828.936</b>	<b>873.033.836</b>	<b>161.576.073.404</b>	<b>873.033.836</b>
<b><i>Bên Khác</i></b>	<b>146.602.556.936</b>	<b>873.033.836</b>	<b>133.391.801.404</b>	<b>873.033.836</b>
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	7.819.563.720	-	42.685.248.547	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Công ty Cổ phần XNK Ô tô và xe chuyên dụng Việt Nam	629.090.910	-	629.090.910	-
+ Ban Giải phóng mặt bằng quận Liên Chiểu	3.115.835.244	-	2.291.844.944	-
+ BQL dự án các công trình trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
+ Công ty Bảo hiểm PVI Gia Định	22.041.701	-	224.466.097	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	-	-	4.217.137.636	-
+ Hội đồng bồi thường hỗ trợ TDC các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc	26.058.512.000	-	26.439.285.000	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Hòa	1.720.647.866	-	1.720.647.866	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	1.520.085.456	-	1.520.085.456	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn	8.670.686.533	-	8.670.686.533	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu	2.592.976.012	-	2.592.976.012	-
+ Các đối tượng khác	85.625.082.594	35.215.836	33.572.297.503	35.215.836
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>22.184.272.000</b>	<b>-</b>	<b>28.184.272.000</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	3.758.872.000	-	3.758.872.000	-
+ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả	18.325.400.000	-	24.325.400.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### 05 . PHẢI THU KHÁC ( Tiếp theo)

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b) Dài hạn</b>	<b>147.124.004.180</b>	<b>-</b>	<b>172.835.805.238</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	9.275.234.987	-	9.275.234.987	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>52.732.684.295</b>	<b>-</b>	<b>78.444.485.353</b>	<b>-</b>
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	12.884.510.370	-	11.826.510.370	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạng Giang	29.067.818.096	-	29.067.818.096	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hữu Lũng	8.268.006.100	-	7.155.040.100	-
+ Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	481.120.623	-	481.120.623	-
+ Phải thu khác	2.031.229.106	-	29.913.996.164	-
<b>Phải thu tạm ứng cổ tức</b>	<b>85.116.084.898</b>	<b>-</b>	<b>85.116.084.898</b>	<b>-</b>
<b>Bên khác</b>	<b>34.191.100.394</b>	<b>-</b>	<b>34.191.100.394</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	239.057.455	-	239.057.455	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư FMQT Hà Thành	33.952.042.939	-	33.952.042.939	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>50.924.984.504</b>	<b>-</b>	<b>50.924.984.504</b>	<b>-</b>
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	50.924.984.504	-	50.924.984.504	-
<b>Cộng</b>	<b>368.664.644.499</b>	<b>873.033.836</b>	<b>429.271.174.391</b>	<b>1.032.556.836</b>

### 06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>- Phải thu khách hàng, phải thu khác</b>	<b>13.210.546.731</b>	<b>-</b>	<b>13.440.768.231</b>	<b>68.367.000</b>
+ Công ty Cổ phần XD Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529	-
+ Công ty QL và SC DB Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000	-
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100	-
+ Đối tượng khác	3.140.014.569	-	3.370.236.069	68.367.000
<b>Cộng</b>	<b>13.210.546.731</b>	<b>-</b>	<b>13.440.768.231</b>	<b>68.367.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 07 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	6.552.319.147	-	5.027.348.465	-
- Công cụ, dụng cụ	251.626.558	-	259.142.127	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	81.353.111.794	-	67.436.673.179	-
<b>Cộng</b>	<b>88.157.057.499</b>		<b>72.723.163.771</b>	

#### Ghi chú:

- (\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.  
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có  
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

### 08 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

#### Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2021	01/01/2021
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	5.474.686.863.072
- Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ Đèo Cả	-	5.474.686.863.072
+ Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	-
+ Chi phí các gói thầu giải phóng mặt bằng, tái định cư	-	3.924.253.724
+ Chi phí các gói thầu khác	-	382.122.425.177
+ Chi phí lãi vay	-	1.083.806.786.967
+ Chi phí quản lý dự án	-	31.801.023.295
+ Chi phí các gói thầu thiết bị	-	796.342.960.970
+ Chi phí các gói thầu tư vấn	-	267.886.773.097
+ Chi phí xây dựng các gói thầu xây lắp	-	2.694.293.514.361
+ Hàng mục khác	-	214.509.125.481
- Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	9.953.483.855	-
<b>Cộng</b>	<b>9.953.483.855</b>	<b>5.474.686.863.072</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**09 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	24.753.843.683.964	22.383.257.596	60.224.436.604	26.695.715.747	24.863.147.093.911
2. Số tăng trong năm	5.366.457.855.979	152.000.000	-	58.090.909	5.366.667.946.888
- Mua trong năm	-	152.000.000	-	58.090.909	210.090.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.365.178.465.071	-	-	-	5.365.178.465.071
- Tăng khác	1.279.390.908	-	-	-	1.279.390.908
3. Số giảm trong năm	259.659.100.599	6.670.478.608	3.398.603.315	3.703.070.284	273.431.252.806
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	16.864.460.145	6.630.589.108	2.782.307.861	3.079.864.330	29.357.221.444
- Giảm khác	242.794.640.454	39.889.500	616.295.454	623.205.954	244.074.031.362
4. Số dư cuối năm	29.860.642.439.344	15.864.778.988	56.825.833.289	23.050.736.372	29.956.383.787.993
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	1.095.790.748.930	14.701.489.655	46.222.963.360	15.101.830.740	1.171.817.032.685
2. Khấu hao trong năm	202.899.511.805	1.319.125.018	2.376.307.125	2.058.324.236	208.653.268.184
- Khấu hao trong năm	202.899.511.805	1.319.125.018	2.376.307.125	2.058.324.236	208.653.268.184
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	5.393.295.739	4.876.698.394	2.782.307.861	1.967.691.078	15.019.993.072
- Thanh lý, nhượng bán	5.393.295.739	4.876.698.394	2.782.307.861	1.967.691.078	15.019.993.072
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.293.296.964.996	11.143.916.279	45.816.962.624	15.192.463.898	1.365.450.307.797
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	23.658.052.935.034	7.681.767.941	14.001.473.244	11.593.885.007	23.691.330.061.226
2. Tại ngày cuối năm	28.567.345.474.348	4.720.862.710	11.008.870.665	7.858.272.474	28.590.933.480.196

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### 09 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH ( Tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	24.743.836.409.113	VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	41.323.371.033	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng		
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:		

#### Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hàng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 3.031.329.498.487 đồng;
- Hàng mục hầm Đèo Cả là 6.396.350.181.348 đồng;
- Hàng mục hầm Cù Mông là 2.898.117.355.184 đồng.
- Hàng mục hầm Hải Vân là 5.041.021.287.089 đồng.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.243.237.054.751 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 9.175.908.929.407 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.372.429.979.380 đồng

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	618.292.634	584.500.850	183.403.472	1.386.196.956
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	618.292.634	584.500.850	183.403.472	1.386.196.956
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	51.560.137	401.190.096	-	452.750.233
2. Khấu hao trong năm	9.660.816	60.995.376	64.191.215	134.847.407
- Khấu hao trong năm	9.660.816	60.995.376	64.191.215	134.847.407
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	61.220.953	462.185.472	64.191.215	587.597.640
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	566.732.497	183.310.754	183.403.472	933.446.723
2. Tại ngày cuối năm	557.071.681	122.315.378	119.212.257	798.599.316

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 560.291.953 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 132.865.000 VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	30/09/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn	289.191.626.475	444.579.720.735
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	219.062.679	936.823.258
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	268.512.163	253.899.665
Lãi vay chờ phân bổ	263.596.705.596	419.623.699.573
Các khoản khác	25.107.346.037	23.765.298.239
b) Dài hạn	2.588.829.219.150	895.915.895.373
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	585.678.764	4.871.583.571
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	53.840.055	59.199.595
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	2.764.840	8.985.712
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	74.072.514	371.202.740
Lãi vay chờ phân bổ	2.581.684.650.219	883.223.616.498
Các khoản khác	6.428.212.758	7.381.307.257
<b>Cộng</b>	<b>2.878.020.845.625</b>	<b>1.340.495.616.108</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a) Vay ngắn hạn**

	30/09/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	165.883.919.125	165.883.919.125	323.562.701.841	498.835.077.524	341.156.294.808	341.156.294.808
<b>Bên khác</b>	<b>141.052.023.522</b>	<b>141.052.023.522</b>	<b>250.462.701.841</b>	<b>267.335.077.524</b>	<b>157.924.399.205</b>	<b>157.924.399.205</b>
- Ngân hàng Công Thương - CN Đà Nẵng	102.017.795.676	102.017.795.676	194.469.533.763	246.606.737.603	154.154.979.516	154.154.979.516
- Ngân hàng TP Bank - CN Thăng Long Hà Nội	35.973.452.744	35.973.452.744	55.884.814.744	19.911.362.000	-	-
- Cán bộ, công nhân viên	3.060.775.102	3.060.775.102	-	708.644.587	3.769.419.689	3.769.419.689
- Vay mua chung cư	-	-	108.333.334	108.333.334	-	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>24.831.895.603</b>	<b>24.831.895.603</b>	<b>73.100.000.000</b>	<b>231.500.000.000</b>	<b>183.231.895.603</b>	<b>183.231.895.603</b>
- Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo Cà	20.231.895.603	20.231.895.603	73.100.000.000	231.500.000.000	178.631.895.603	178.631.895.603
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>165.883.919.125</b>	<b>165.883.919.125</b>	<b>323.562.701.841</b>	<b>498.835.077.524</b>	<b>341.156.294.808</b>	<b>341.156.294.808</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TANG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**b) Vay dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2021			01/01/2021		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>218.364.600.000</b>	<b>218.364.600.000</b>	<b>126.513.000.000</b>	<b>2.906.733.334</b>	<b>94.758.333.334</b>	<b>94.758.333.334</b>
Bên khác	964.600.000	964.600.000	1.113.000.000	906.733.334	758.333.334	758.333.334
- Vay mua chung cư	-	-	-	758.333.334	758.333.334	758.333.334
- Vay Ngân hàng TP Bank - mua xe ô tô	964.600.000	964.600.000	1.113.000.000	148.400.000	-	-
Bên liên quan	217.400.000.000	217.400.000.000	125.400.000.000	2.000.000.000	94.000.000.000	94.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng AZZ	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	125.400.000.000	125.400.000.000	125.400.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	92.000.000.000	-	-	92.000.000.000	92.000.000.000
<b>Trên 5 năm</b>	<b>20.602.863.433.868</b>	<b>20.602.863.433.868</b>	<b>100.843.711.834</b>	<b>147.678.452.356</b>	<b>20.649.698.174.390</b>	<b>20.649.698.174.390</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	19.640.915.863.511	19.640.915.863.511	100.653.940.429	143.268.452.356	19.683.530.375.438	19.683.530.375.438
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	2.179.367.320.571	2.179.367.320.571	-	27.047.744.818	2.206.415.065.389	2.206.415.065.389
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	3.156.723.981.417	3.156.723.981.417	100.653.940.429	22.503.000.000	3.078.573.040.988	3.078.573.040.988
+ Hợp đồng tín dụng số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	4.614.403.867.855	4.614.403.867.855	-	34.000.000.000	4.648.403.867.855	4.648.403.867.855
+ Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	1.040.031.240.733	1.040.031.240.733	-	6.539.000.000	1.046.590.240.733	1.046.590.240.733
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDTDDA/NHCT106-BOT BGLS	8.650.389.452.935	8.650.389.452.935	-	53.138.707.538	8.703.548.160.473	8.703.548.160.473
- Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	961.947.570.357	961.947.570.357	189.771.405	4.410.000.000	966.167.798.952	966.167.798.952
<b>Cộng</b>	<b>20.821.228.033.868</b>	<b>20.821.228.033.868</b>	<b>227.356.711.834</b>	<b>150.585.185.690</b>	<b>20.744.456.507.724</b>	<b>20.744.456.507.724</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

a) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2020- HDCVHM/NHCT480 -DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vệt xe ô tô, giấy CNQSD nhà tại căn hộ Plaza
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐTD dụng số 02/2019/- HĐ tín dụng số 02/2020- HDCVHM/NHCT480 -DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Ngân hàng TP Bank - CN Thăng Long, Hà Nội	HĐ tín dụng số 247/2020/HĐTD/TLG 01 ngày 16/9/2020 và PL	300.000.000.000	12 tháng từ ngày ký hợp đồng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Hợp đồng vay số 2609/2019/HP-DCIC ngày 26/9/2019 và PL	2.600.000.000	12 tháng từ ngày ký hợp đồng	4%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo ca	Hợp đồng vay số 0201/2020 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A.ZZ	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A.ZZ, ngày 30/7/2019, PLHD	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 15062021/HHTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 19/2021/HDTD/TLG/01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/01/2022, sau đó được điều chỉnh định kỳ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cá vẹt xe ô tô

(1) Theo Hợp đồng số 01/2015 - HĐDDA/NHCT106-DEOCA ngày 28/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội và các Phụ lục Hợp đồng. Hạn mức vay là 2.500 tỷ đồng để thực hiện Hàng mục đầu tư Hàm đường bộ qua đèo Cù Mông, QL1 tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả - QL1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa theo hình thức BT và BOT. Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(2) Theo Hợp đồng số 01/2016 - HĐDDA/NHCT106-DEOCA ngày 02/02/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 4.182 tỷ đồng để thực hiện Giai đoạn 2 - Mở rộng Hầm Hải Vân thuộc Hàng mục đầu tư ở rộng Hàm Đường bộ Hải Vân QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng). Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(3) Theo Hợp đồng vay số 02/2013/NHCT106-DEOCA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 22/10/2013 và các Phụ lục Hợp đồng. Hạn mức vay là: 4.800 tỷ đồng, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Công trình BOT thuộc Dự án Xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Cả - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THỐNG ĐÈO CÁ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liễn Chiểu, TP Đà Nẵng.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):**

(4) Theo Hợp đồng số 02/2015 - HĐTDD/ANHCT106-DEOCA ngày 11/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.190 tỷ đồng để thực hiện nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Hầm Hải Vân 1 và Đoạn tuyến QL1 qua Đèo Hải Vân (Giai đoạn 1 của Hàng mục Đầu tư mở rộng Hàm đường bộ qua Đèo Hải Vân, QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cù - QL1 theo hình thức BT và BOT (Bao gồm cả cho vay lãi nhập gốc trong thời gian xây dựng và cho vay phần Thuế GIGT). Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(5) Theo Hợp đồng số 01/2017 - HĐTDD/ANHCT106-BOT-BGLS với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 10.169 tỷ đồng để thực hiện dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Thời hạn vay là 17 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(6) Theo Hợp đồng số 23072014/HDDH với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.149 tỷ đồng để thực hiện dự án xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng-Phủ Giạ, quốc lộ 1A, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo hình thức hợp đồng BOT. Thời hạn vay là 233 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	1.160.999.054.016	1.160.999.054.016	1.066.861.291.201	1.066.861.291.201
Bên Khác	646.764.981.435	646.764.981.435	532.194.483.848	532.194.483.848
Công ty cổ phần tập đoàn EMTC3	5.097.597.000	5.097.597.000	15.344.365.177	15.344.365.177
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cá	26.985.144.230	26.985.144.230		
Công ty TNHH Hòa Hiệp	61.914.777.256	61.914.777.256	47.652.786.937	47.652.786.937
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	81.478.816.682	81.478.816.682	39.017.659.104	39.017.659.104
Công ty Cổ phần LICOGI 16	127.175.960.442	127.175.960.442	125.106.781.619	125.106.781.619
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	34.549.076.453	34.549.076.453	11.245.075.350	11.245.075.350
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	24.733.539.459	24.733.539.459	3.342.365.050	3.342.365.050
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	29.894.005.456	29.894.005.456	22.619.448.065	22.619.448.065
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	17.966.582.114	17.966.582.114	17.966.582.114	17.966.582.114
Công Ty Cổ Phần Giao Thông Xây Dựng Số 1	13.356.138.053	13.356.138.053	17.282.608.904	17.282.608.904

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam năm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty Cổ phần Nam Tân	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	2.475.000.000	2.475.000.000	14.733.684.000	14.733.684.000
Công ty TNHH kỹ thuật kiểm định hiệu chỉnh Toàn Cầu	47.934.040	47.934.040	28.260.801.916	28.260.801.916
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội	2.254.195.200	2.254.195.200	2.254.195.200	2.254.195.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	4.415.429.595	4.415.429.595	4.415.429.595	4.415.429.595
Công ty TNHH Nhạc Sơn	1.413.813.206	1.413.813.206	1.413.813.206	1.413.813.206
Công ty Cổ phần ĐT Giao dục phát triển công nghệ năng lượng VN	4.964.896.734	4.964.896.734	4.964.896.734	4.964.896.734
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	20.411.083.339	20.411.083.339	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	159.011.697.030	159.011.697.030	147.954.695.731	147.954.695.731
<b>Bên liên quan</b>	<b>514.234.072.581</b>	<b>514.234.072.581</b>	<b>534.666.807.353</b>	<b>534.666.807.353</b>
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cà	15.448.159.266	15.448.159.266	15.706.059.300	15.706.059.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cà	474.148.739.009	474.148.739.009	498.126.662.614	498.126.662.614
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	21.288.793.022	21.288.793.022	20.713.793.022	20.713.793.022
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	-	120.292.417	120.292.417
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cà	3.348.381.284	3.348.381.284	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Dài hạn</b>	<b>416.276.592.830</b>	<b>416.276.592.830</b>	<b>424.405.555.795</b>	<b>424.405.555.795</b>
<i>Bên khác</i>	<i>368.400.363.591</i>	<i>368.400.363.591</i>	<i>373.735.238.976</i>	<i>373.735.238.976</i>
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	22.066.275.015	22.066.275.015	22.066.275.015	22.066.275.015
Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	63.324.714.138	63.324.714.138	63.586.665.138	63.586.665.138
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214
Công ty TNHH MTV BCA-Thăng Long	22.039.842.365	22.039.842.365	22.039.842.365	22.039.842.365
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc	13.569.057.653	13.569.057.653	13.950.086.253	13.950.086.253
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	5.132.599.283	5.132.599.283
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xi nghiệp Đại Việt	114.873.463.105	114.873.463.105	114.873.463.105	114.873.463.105
Các đối tượng khác	78.617.151.716	78.617.151.716	86.771.020.865	86.771.020.865
<b>Bán liên quan</b>	<b>47.876.229.239</b>	<b>47.876.229.239</b>	<b>50.670.316.819</b>	<b>50.670.316.819</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	18.758.222.245	18.758.222.245	22.966.302.717	22.966.302.717
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	29.118.006.994	29.118.006.994	27.704.014.102	27.704.014.102
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có</b>	<b>1.577.275.646.846</b>	<b>1.577.275.646.846</b>	<b>1.491.266.846.996</b>	<b>1.491.266.846.996</b>

Cộng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TÀNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/09/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn	13.355.858.163	108.803.239.940
<i>Bên khác</i>	13.355.858.163	43.162.246.733
Công ty xăng dầu Bình Định	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP XD công trình Ngâm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	2.587.489.000	2.587.489.000
Đối tượng khác	797.541.867	30.603.930.457
<i>Bên liên quan</i>	-	65.640.993.207
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cà	-	65.640.993.207
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.355.858.163</b>	<b>108.803.239.940</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.601.890.608	33.988.773.929	9.547.574.418	-	29.043.090.119
Thuế thu nhập cá nhân	-	957.998.402	407.480.541	1.092.808.780	-	272.670.163
Thuế GTGT	2.293.289.206	9.505.076.943	41.746.836.856	22.722.183.966	2.470.270.695	28.706.711.322
Thuế tài nguyên	-	-	7.286.400	7.286.400	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	466.476.469	466.476.469	-	-
Thuế khác	118.911.073	962.146.486	8.240.857.296	8.535.656.351	118.911.073	660.680.764
<b>Cộng</b>	<b>2.412.200.279</b>	<b>16.027.112.439</b>	<b>84.857.711.491</b>	<b>42.371.986.384</b>	<b>2.589.181.768</b>	<b>58.683.152.368</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.266.551.989.826</b>	<b>1.067.457.417.597</b>
Trích trước chi phí vận hành Hầm	18.374.812.934	24.228.631.337
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	51.208.583.962	38.647.987.896
Trích trước lãi vay	13.563.094.680	42.353.583.583
Chi phí lãi vay phải trả	1.802.955.331.016	675.147.192.036
Các khoản khác	380.450.167.234	287.080.022.745
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>2.266.551.989.826</b>	<b>1.067.457.417.597</b>

### 17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>581.352.016.018</b>	<b>959.803.534.225</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	46.449.775	46.449.775
Kinh phí công đoàn	1.217.376.654	1.326.301.706
Bảo hiểm xã hội	55.525.725	640
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	120.601.916	153.292.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	539.576.224.392	932.364.336.297
<b>Bên khác</b>	<b>539.576.224.392</b>	<b>932.364.336.297</b>
<i>Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán</i>	<i>452.756.784.373</i>	<i>896.916.349.721</i>
<i>Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.606.087.366</i>	<i>1.606.087.366</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>85.213.352.653</i>	<i>33.841.899.210</i>
<b>Bên liên quan</b>	<b>39.917.303.630</b>	<b>25.494.619.794</b>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z</i>	<i>19.397.260</i>	<i>140.630.137</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T</i>	<i>8.918.838.357</i>	<i>5.946.849.315</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc</i>	<i>9.529.912.100</i>	<i>4.120.035.388</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả</i>	<i>21.449.155.913</i>	<i>15.287.104.954</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>69.207.524.913</b>	<b>123.423.822.378</b>
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	37.449.235.354	37.449.235.354
Phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	26.379.852.645	30.355.562.145
Các khoản phải thu khác	5.378.436.914	55.619.024.879
<b>Cộng</b>	<b>650.559.540.931</b>	<b>1.083.227.356.603</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**I. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư năm trước	2.270.090.900.000	-	3.200.097.043	209.068.996.126	3.452.924.767.484	1.048.278.923.830	6.983.563.684.483
Tăng vốn trong năm trước	403.750.000.000	-	-	-	-	1.808.581.540	405.558.581.540
Lãi trong năm trước	-	-	-	54.440.450.086	-	10.951.997.757	65.392.447.843
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.651.224.644	(3.302.449.288)	-	-	(1.651.224.644)
Tăng khác	-	-	-	-	-	40.115.486.578	40.115.486.578
Giảm khác	-	(208.000.000)	-	(64.188.715.968)	(180.330.726.391)	-	(244.927.442.359)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>(208.000.000)</b>	<b>4.851.321.687</b>	<b>196.018.280.956</b>	<b>3.272.394.041.093</b>	<b>1.101.154.989.705</b>	<b>7.248.051.533.441</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>(208.000.000)</b>	<b>4.851.321.687</b>	<b>287.678.877.300</b>	<b>3.271.772.312.802</b>	<b>1.146.518.693.388</b>	<b>7.384.454.105.177</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	206.307.229.216	-	12.361.505.226	218.668.734.442
Tăng khác	-	-	-	-	1.036.000.000	-	1.036.000.000
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>(208.000.000)</b>	<b>4.851.321.687</b>	<b>493.986.106.516</b>	<b>3.272.808.312.802</b>	<b>1.158.880.198.614</b>	<b>7.604.158.839.619</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2021	%	01/01/2021	%
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,42%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,67%	18.000.000.000	0,67%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	1.067.831.250.000	39,94%	1.317.831.250.000	49,29%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	132.303.650.000	4,95%	882.303.650.000	33,00%
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	122.000.000.000	4,56%	122.000.000.000	4,56%
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	-	0,00%	108.331.000.000	4,05%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	-	0,00%	164.000.000.000	6,13%
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.295.813.450.000	48,46%	23.482.450.000	0,88%
<b>Cộng</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.673.840.900.000</b>	<b>100,00%</b>

#### Ghi chú:

(\*) Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	34,97%	39,94%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	34,97%	39,94%
<b>Cộng</b>	<b>36,39%</b>	<b>41,36%</b>

Hiện tại, Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 41,36%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

### 18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2021	01/01/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	403.750.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

### 18 . 4. Cổ phiếu

	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
<b>a) Doanh thu</b>				
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng cầu, đường	309.458.182	1.292.983.636	2.204.361.819	3.799.335.454
Doanh thu hoạt động xây lắp	184.211.449.656	13.942.157.245	255.265.686.928	23.224.132.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	1.875.324.000	1.475.945.455	7.691.374.000	9.020.634.091
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	214.599.407.271	273.468.276.348	924.889.989.097	795.867.734.925
Doanh thu khác	51.153.132.275	6.014.858.343	55.385.092.665	13.517.243.576
<b>Cộng</b>	<b>452.148.771.384</b>	<b>296.194.221.027</b>	<b>1.245.436.504.509</b>	<b>845.429.080.524</b>

#### 02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Hàng bán bị trả lại		1.189.110.727	-	1.189.110.727
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.189.110.727</b>	<b>-</b>	<b>1.189.110.727</b>

#### 03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng cầu, đường	690.405.227	354.324.276	1.436.826.572	1.493.553.221
Giá vốn hoạt động xây lắp	143.189.256.338	18.565.369.591	204.079.029.222	24.861.574.884
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	1.351.483.765	3.305.558.161	7.023.464.600	11.431.265.266
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	154.185.772.793	98.255.786.521	361.591.453.844	320.684.582.349
Giá vốn khác	10.698.241.183	10.752.129.502	14.280.084.816	17.760.266.632
<b>Cộng</b>	<b>310.115.159.306</b>	<b>131.233.168.051</b>	<b>588.410.859.054</b>	<b>376.231.242.352</b>

#### 04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.336.471.490	1.497.348.314	7.476.156.036	11.905.312.240
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.000.000.000		12.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.336.471.490</b>	<b>1.497.348.314</b>	<b>19.476.156.036</b>	<b>11.905.312.240</b>

#### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Lãi tiền vay	87.672.756.129	116.546.829.569	394.645.864.597	357.057.090.455
<b>Cộng</b>	<b>87.672.756.129</b>	<b>116.546.829.569</b>	<b>394.645.864.597</b>	<b>357.057.090.455</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
1. Chi phí bán hàng			-	-
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.904.167.500	14.418.804.226	69.524.310.696	66.387.759.976
Chi phí nguyên, vật liệu	3.326.034	26.574.908	23.282.286	29.934.378
Chi phí công cụ, dụng cụ	61.297.861	127.357.899	282.256.711	394.281.888
Chi phí nhân viên	5.798.631.607	5.806.206.687	20.408.271.839	16.070.655.052
Chi phí khấu hao	1.670.003.112	951.349.651	5.980.226.663	2.018.693.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.895.328.593	1.679.170.051	30.109.998.078	27.602.332.918
Thuế, phí, lệ phí	24.569.741	8.000.000	141.567.452	180.207.091
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(575.750.000)	(845.243.427)	-	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.175.243.495	(161.854.500)	(14.000.000)
Các khoản chi khác	5.026.760.552	4.490.144.962	12.740.562.167	20.105.655.087
<b>Cộng</b>	<b>17.904.167.500</b>	<b>14.418.804.226</b>	<b>69.524.310.696</b>	<b>66.387.759.976</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	636.326.239	19.454.589.810	2.818.181.818
Các khoản khác	989.116	38.755	1.734.911	38.755
<b>Cộng</b>	<b>989.116</b>	<b>636.364.994</b>	<b>19.456.324.721</b>	<b>2.818.220.573</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-	-	2.931.394.167
Các khoản tiền chậm nộp	-	352.278.181	53.192.182	460.613.857
Các khoản khác	-	22.831.122	190.637.714	250.667.398
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>375.109.303</b>	<b>243.829.896</b>	<b>3.642.675.422</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.862.259.119	39.046.087.284	127.271.407.138	97.164.469.596
Chi phí nhân công	84.837.114.611	52.933.191.819	189.003.243.956	144.038.784.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.908.606.091	12.492.383.441	210.629.389.039	112.696.755.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.790.711.491	215.424.566.927	58.660.773.531	264.373.607.892
Chi phí khác bằng tiền	15.474.159.983	33.315.096.161	71.847.009.578	65.891.325.934
<b>Cộng</b>	<b>215.872.851.295</b>	<b>353.211.325.632</b>	<b>657.411.823.242</b>	<b>684.164.943.885</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	21.992.656.201	1.769.306.705	33.988.773.929	5.448.435.594
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này			-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>21.992.656.201</b>	<b>1.769.306.705</b>	<b>33.988.773.929</b>	<b>5.448.435.594</b>

### 11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
-Thu nhập thuế TNDN hoàn loại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	(685.153.327)	-	(9.224.529.148)	(2.529.999.418)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(685.153.327)</b>		<b>(9.224.529.148)</b>	<b>(2.529.999.418)</b>

### 12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	83.269.171.950	31.708.173.150	206.307.229.216	54.440.450.086
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế				
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	267.384.090	252.024.036	267.384.090	252.024.036
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>311</b>	<b>126</b>	<b>772</b>	<b>199</b>

### 13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết số 05/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2021 về phương án phát hành thêm 85.948.800 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 267.384.090 lên 353.332.890 cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu CP phổ thông	83.269.171.950	31.708.173.150	206.307.229.216	54.440.450.086
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế				
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	85.948.800	40.375.000	85.948.800	40.375.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	267.384.090	252.024.036	267.384.090	252.024.036
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>236</u>	<u>126</u>	<u>584</u>	<u>199</u>

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.618.543.746	704.209.768.274	550.811.080.341	2.170.893.529.040

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2021	30.09.2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	113.610.934.355	513.665.950.156	649.311.929.880	1.309.406.309.233

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/09/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### 04 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

Đơn vị tính: VND

#### a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.142.489.849.482	416.276.592.830	-	1.558.766.442.312
Người mua trả tiền trước	13.355.858.163	-	-	13.355.858.163
Vay và nợ	165.883.919.125	4.481.995.600.000	16.339.232.433.868	20.987.111.952.993
Chi phí phải trả	2.266.551.989.826	-	-	2.266.551.989.826
Các khoản phải trả phải nộp khác	581.352.016.018	69.207.524.913	-	650.559.540.931
<b>Cộng</b>	<b>4.169.633.632.614</b>	<b>4.967.479.717.743</b>	<b>16.339.232.433.868</b>	<b>25.476.345.784.225</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

*- Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

*- Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

*- Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2021.

*- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2021.

### 05 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 06 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2020 được Công ty lập ngày 20 tháng 10 năm 2020.

Người lập biểu

NGUYỄN THIÊN HOÀNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- 01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không phát sinh

- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không có

	Bên liên quan	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt				
Thu lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT		384.000.000	408.000.000
- Nguyễn Tân Đông	Phó Chủ tịch HĐQT		60.000.000	60.000.000
- Nguyễn Xuân Hương	Phó Chủ tịch HĐQT		48.000.000	48.000.000
- Trần Văn Thế	Phó Chủ tịch HĐQT		-	44.000.000
- Đỗ Văn Nam	Thành viên HĐQT		48.000.000	48.000.000
- Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT		-	27.500.000
- Nguyễn Thanh Trang	Thành viên HĐQT		30.000.000	30.000.000
- Trần Chung	Thành viên HĐQT		30.000.000	7.500.000
- Nguyễn Đình Chính	Thành viên HĐQT		30.000.000	8.000.000
- Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT		-	27.500.000
- Nguyễn Minh Giang	Thành viên độc lập HĐQT		30.000.000	7.500.000
- Phạm Lê Huy	Thành viên độc lập HĐQT		48.000.000	42.000.000
- Lưu Tuấn Vũ	Trưởng ban kiểm soát		-	22.000.000
- Cam Thị Minh Hải	Thành viên BKS		-	22.000.000
- Đỗ Thế Vinh	Thành viên BKS		30.000.000	7.000.000
- Phan Thị Mai	Thành viên BKS		20.000.000	7.000.000
			10.000.000	-
Tiền lương			904.285.714	1.073.030.596
- Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc		165.000.000	-
- Nguyễn Xuân Hương	Phó Tổng giám đốc		-	240.000.000
- Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc		-	100.434.783
- Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc		295.000.000	189.000.000
- Lê Châu Thăng	Phó Tổng giám đốc		-	224.074.074
- Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc		174.285.714	-
- Lưu Tuấn Vũ	Ban kiểm soát		-	78.000.000
- An Văn Thiên	Kế toán trưởng		-	142.391.304
- Nguyễn Văn An	Kế toán trưởng		270.000.000	99.130.435

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tương Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Có đồng lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Có đồng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang, Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả (*)	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông

(\*) Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

<i>Công ty con</i>	<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn		65,58%	65,58%	45.427.551.223	(7.238.219.481)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả		70,36%	70,36%	23.171.563.107	(386.549.511.980)
- Công ty Cổ phần Phước Tương Phú Gia BOT		99,47%	99,47%	25.100.856.447	8.884.403.827

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	4.368.340.880	12.522.860.837
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	44.647.048.054	158.333.958.737
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	31,60%	31,60%	2.076.511.553	3.880.842.202

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch 9 tháng 2021 (VND)	Giá trị giao dịch 9 tháng 2020 (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu bán thép	28.110.390	-
		Doanh thu nước uống đóng chai	1.196.364	19.325.454
		Doanh thu thuê văn phòng	-	113.636.363
		Chi phí mua vật tư đá	-	4.215.418.727
		Chi phí bê tông các loại	-	6.976.004.773
		Chi phí thuê thiết bị, thuê xe	522.727.274	1.053.587.927
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.204.361.819	3.799.335.454
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	5.900.238.181	5.405.013.876
		Doanh thu trung tu	22.663.024.342	-
		Ứng trước cổ tức	15.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	Công ty liên kết	Góp vốn	10.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Doanh thu hoạt động xây lắp	75.484.478.950	22.140.683.388
		Doanh thu nước uống đóng chai	2.900.908	38.863.634
		Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện, khác	15.779.091	1.177.291.682
		Chi phí vé máy bay, khác	2.370.054.173	9.358.983.834
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	2.311.140.535	2.895.787.500
		Chi phí mua vật tư đá	20.414.027.874	-
		Chi phí đào tạo thực sĩ	180.000.000	-
		Cho Công ty Vay tiền	73.100.000.000	250.600.000.000
		Tiền lãi vay	6.342.050.959	10.494.586.301
		Chi phí thi công công trình	54.231.015.768	715.436.758.489
		Chi phí thuê văn phòng	1.650.271.896	2.685.761.176
		Chi phí quản lý văn hành trạm thu phí	-	1.164.875.085



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

### PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch 9 tháng 2021 (VNĐ)	Giá trị giao dịch 9 tháng 2020 (VNĐ)
+ Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đồng lớn	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay Nhân trả nợ góp vốn	125.400.000.000 2.971.989.042 -	202.000.000.000 5.906.530.548 203.750.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang	Tiền lãi vay Thanh toán tiền lãi Cho Công ty vay tiền	5.504.876.712 95.000.000 -	2.454.912.101 - 92.000.000.000
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng AZZ	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai	Doanh thu cho thuê xe Doanh thu cho thuê nhà Doanh thu cung cấp dịch vụ Thu tiền cung cấp dịch vụ Tiền lãi Thanh toán tiền cho Công ty vay Thanh toán tiền lãi vay Cung cấp dịch vụ tư vấn Thuế xe ô tô Thuế văn phòng, nhà	286.363.638 - 8.304.116.364 - - 19.397.260 2.000.000.000 140.630.137 - - - 8.414.853.706	940.909.104 269.454.544 1.059.165.000 - - - - - - 259.000.000 5.786.224.226
+ Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang, Nguyễn Minh Giang	Chi phí dịch vụ bảo vệ Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	19.549.187.743 21.692.706.552	19.272.711.184 12.057.500.000
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan: ông Nguyễn Quang Huy	Doanh thu thuê xe Doanh thu cho thuê văn phòng Chi phí thi nghiệm công trình, tư vấn	324.545.451 - 2.871.612.566	54.545.456 191.727.273 6.086.147.450
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh	Doanh thu thuê xe Thu tiền thuê xe	245.454.546 270.000.000	272.727.270 210.000.000
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai	Chi phí duy tu cao tốc BGLS Thanh toán chi phí duy tu	12.421.070.908 4.889.892.716	2.063.740.000 -

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGÂN HÀNG</b>				
+ Công ty cổ phần Dầu tư và xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	1.324.094.305	1.324.856.876
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng AZZ	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai	Phải thu cho thuê xe Phải thu cho thuê nhà Phải thu cung cấp dịch vụ	315.000.000 - 9.788.394.715 <b>10.103.394.715</b>	- 287.557.252 2.506.939.600 <b>2.794.496.852</b>
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan: ông Nguyễn Quang Huy	Phải thu thuê xe Phải thu cho thuê văn phòng	477.000.000	120.000.000
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan: ông Hồ Minh Hoàng	Phải thu thuê xe	228.000.000	228.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư BOT Đèo cũ Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu Phải thu vận hành trạm thu phí Phải thu thi công trung tu	180.000.000 436.767.000 968.298.000 3.552.352.099 <b>4.957.417.099</b>	180.000.000 1.367.286.600 990.919.211 - <b>2.358.203.811</b>
+ Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của Phan Thị Mai	Thanh lý xe ô tô	700.000.000	700.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Người có liên quan của ông Nguyễn Tân Đông	Phải thu	8.800.000.000	8.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải thu	9.832.924.397	
<b>- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN DÀI HẠN</b>		<b>Tổng cộng</b>	<b>36.635.830.516</b>	<b>16.505.559.539</b>
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng AZZ	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai	Dịch vụ tư vấn	10.356.014.000	10.356.014.000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan: ông Nguyễn Quang Huy	Dịch vụ tư vấn khảo sát	4.086.491.000	12.586.491.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.442.505.000</b>	<b>22.942.505.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ HẠ TẶNG GIAO THÔNG ĐỂ CẢ**

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**- PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC**

- + Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam
- + Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả
- + Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả

Công ty liên kết

Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng  
Công ty mẹ

Thị công công trình

Chuyển nhượng cổ phần  
Đặt cọc tiền vé máy bay

Tổng cộng

**- PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

- + Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Công ty con của Công ty mẹ

Tam ứng có tức

**- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG**

- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả

Công ty mẹ

Đồng phục

Hoạt động xây lắp, vé máy bay, khác  
Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản, vật tư

- + Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam
- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch
- + Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty liên kết  
Cổ đồng

Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh  
Trang, Nguyễn Minh Giang

Phải trả  
Phải trả

Phải trả cung cấp dịch vụ

- + Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Người có liên quan của bà Phan Thị Mai

Dịch vụ quản lý, khai thác cao tốc

**- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng AZZ

Người có liên quan: ông Nguyễn Quang Huy  
Người có liên quan của bà Phan Thị Mai

Dịch vụ tư vấn

Thị công công trình, thuê văn phòng, thuê xe

Tổng cộng

**- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HÀNG**

- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả

Công ty mẹ

Thị công công trình

Tổng cộng

	30/09/2021	01/01/2021
	3.758.872.000	3.758.872.000
	18.325.400.000	24.325.400.000
	100.000.000	100.000.000
	22.184.272.000	28.184.272.000
	30/09/2021	01/01/2021
	50.924.984.504	50.924.984.504
	30/09/2021	01/01/2021
	1.304.174.025	1.304.174.025
	456.947.829.576	491.506.846.077
	15.896.735.408	5.315.642.512
	474.148.739.009	498.126.662.614
	21.288.793.022	20.713.793.022
	-	120.292.417
	15.448.159.266	15.706.059.300
	3.348.381.284	-
	514.234.072.581	534.666.807.353
	30/09/2021	01/01/2021
	18.758.222.245	22.966.302.717
	29.118.006.994	27.704.014.102
	47.876.229.239	50.670.316.819
	30/09/2021	01/01/2021
	65.640.993.207	65.640.993.207
	-	65.640.993.207

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THÔNG ĐỀ CÀ**

Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hai Ván, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý 3 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hai Thạch B.O.T
- + Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Công ty mẹ  
Cổ đông lớn  
Công ty con của Công ty mẹ

	30/09/2021	01/01/2021
Cho Công ty vay tiền	20.231.895.603	178.631.895.603
Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
Cho Công ty vay tiền	2.600.000.000	2.600.000.000

**Tổng cộng**

	24.831.895.603	183.231.895.603
--	----------------	-----------------

**- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hai Thạch B.O.T
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng AZZ

Cổ đông lớn  
Người có liên quan của bà Phan Thị Mai

	30/09/2021	01/01/2021
Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	-
Cho Công ty vay tiền	-	2.000.000.000

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tăng Miền Bắc

Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang

Cho Công ty vay tiền	92.000.000.000	92.000.000.000
----------------------	----------------	----------------

**Tổng cộng**

	217.400.000.000	94.000.000.000
--	-----------------	----------------

**- PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC**

- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hai Thạch B.O.T
- + Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tăng Miền Bắc
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng AZZ

Công ty mẹ  
Cổ đông lớn  
Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang  
Người có liên quan của bà Phan Thị Mai

Tiền lãi vay	21.449.155.913	15.287.104.954
Tiền lãi vay	8.918.838.357	5.946.849.315
Tiền lãi vay	9.529.912.100	4.120.035.388
Tiền lãi vay	19.397.260	140.630.137

**Tổng cộng**

	39.917.303.630	25.494.619.794
--	----------------	----------------

Ghi chú : Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.